

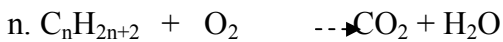
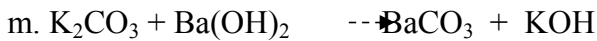
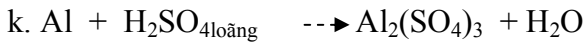
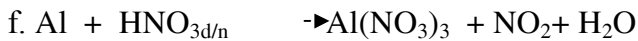
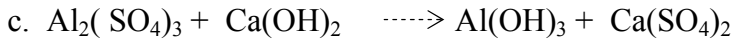
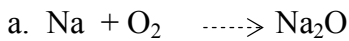




A. 64 gam B. 96 gam C. 128 gam D. 32gam

## II. PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

1. Cho các sơ đồ phản ứng sau, lập phương trình hóa học



2. Đốt cháy 5,4 gam nhôm, sau phản ứng ta thu được 10,2 gam nhôm oxit.

a. Tính khối lượng oxi đã tham gia phản ứng.

b. Tìm thành % về khối lượng các nguyên tố trong hợp chất nhôm oxit ( tạo bởi Al và O).

c. Nếu bột nhôm lẫn với bột sắt, em hãy nêu cách tách sắt ra khỏi hỗn hợp.

3: Đốt cháy hết 9,2 g kim loại Natri trong không khí thu được 12,40g Natri oxit. Tính khối lượng khí oxi cần dùng cho phản ứng cháy trên ?

4: Tính thành phần % về khối lượng mỗi nguyên tố có trong hợp chất CuO.

5: Có hai lọ đựng chất lỏng mất nhãn, mỗi lọ đựng dầu ăn và nước. Cách nào phân biệt được dầu ăn và nước?

6. a. Một hợp chất tạo bởi 2 nguyên tố lưu huỳnh và oxi, trong đó lưu huỳnh chiếm 40% về khối lượng. Biết tỉ khối của khí này so với khí hiđro là 40. Hãy xác định công thức hoá học của hợp chất ?

b. Tính thành phần % về khối lượng mỗi nguyên tố có trong hợp chất  $\text{Na}_2\text{SO}_4$

## ĐỀ CƯƠNG CÔNG NGHỆ 8 HKI

Năm học 2018 - 2019

**Câu 1** : Em hãy cho biết hình chiếu của vật thể là gì? kể tên các hình chiếu

Trả lời : Hình chiếu của vật thể là phần thấy của vật đối với mặt phẳng hình chiếu .Các hình chiếu gồm có :Hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh.

**Câu 2:** Công dụng của bản vẽ chi tiết là? Bảng kê trên bản vẽ lắp cho biết điều gì?

Dụng cụ kẹp chặt gồm những gì ? Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét gì?

Trả lời : Công dụng của bản vẽ chi tiết là : Chế tạo và kiểm tra chi tiết.

Bảng kê trên bản vẽ lắp cho biết tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết

- Dụng cụ kẹp chặt gồm: Kim, êtô.

- Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.

**Câu 3** :Em hãy cho biết vật liệu cơ khí chia làm mấy loại chính ?Nêu tính công nghệ của vật liệu cơ khí?Nhôm , vô bít bi của em là vật liệu gì:

Trả lời : Vật liệu cơ khí gồm 2 loại chính: Vật liệu kim loại và vật liệu phi kim loại.

Tính chất công nghệ của vật liệu cơ khí là :Tính đúc, tính hàn, tính rèn.

**Câu 4:** Em hãy cho biết chi tiết máy là gì? Các chi tiết máy được lắp ghép với nhau bằng các kiểu mối ghép chính nào? Cho ví dụ tương ứng với các mối ghép?

Mối ghép bằng vít, then chốt, bu lông đều là mối ghép có đặc điểm gì

Trả lời : Chi tiết máy: Là phần tử có cấu tạo hoàn chỉnh và thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong máy.

Các chi tiết máy được lắp ghép với nhau theo 2 kiểu mối ghép chính sau:

- ❖ **Mối ghép cố định** : Như mối ghép bằng đinh tán, mối ghép hàn, mối ghép bằng ren( bulông, đai ốc, vít...)
- ❖ **Mối ghép động**: Mối ghép bản lề, ổ trục, mối ghép pit-tông – xilanh, mối ghép sống trượt – rãnh trượt...

Mối ghép bằng vít, then chốt, bu lông đều là mối ghép cố định và tháo được.

**Câu 5:**Tại sao máy và thiết bị cần truyền và biến đổi chuyển động?

Trả lời : Sở dĩ cần truyền và biến đổi chuyển động là vì:

- Các bộ phận của máy thường đặt xa nhau và được dẫn động từ một chuyển động ban đầu.
- Các bộ phận của máy thường có tốc độ quay không giống nhau.
- Các bộ phận của máy thường có cách thức chuyển động khác nhau.

**Câu 6** : Tỉ lệ truyền  $i$  được xác định theo công thức chung nào?

Tỉ số truyền  $i$  được xác định bởi công thức

$$i = n_{bd}/n_d = n_2/n_1 = D_1/D_2 = Z_1/Z_2$$

**Trong đó:**  $n_{bd}$  ( $n_2$ ) là tốc độ bánh bị dẫn ( vòng/ phút)

$n_d$  ( $n_1$ ) là tốc độ bánh dẫn (vòng/phút).

$D_1, Z_1$  tương ứng là đường kính (mm), số răng bánh dẫn.

$D_2, Z_2$  tương ứng là đường kính (mm), số răng bánh bị dẫn

Bài Tập áp dụng ( BT4/ sgk.101\_ Áp dụng tỉ số truyền  $i$ )

**Câu 7:** Một hệ thống truyền động bằng xích. Biết bánh dẫn có 80 răng và bánh dẫn có tốc độ quay 40 (vòng/phút) thì bánh bị dẫn quay nhanh gấp 4 lần bánh dẫn. Hãy tính tỉ số truyền của chuyển động, tính số răng của bánh bị dẫn và cho biết hệ thống truyền động này tăng tốc hay giảm tốc?

**Giải** - Tốc độ bánh bị dẫn  $n_2$  là:  $n_2 = 4. n_1 = 4.40 = 160$  (vòng/phút)

- Tỉ số truyền  $i$  là:  $i = \frac{n_2}{n_1} = \frac{160}{40} = 4$

- Số răng của bánh bị dẫn là:  $Z_2 = \frac{Z_1}{i} = \frac{80}{4} = 20$  (răng)

- Vì số răng  $Z_1 > Z_2$  do đó hệ thống truyền động tăng tốc.

## ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KÌ I

### Môn Vật lí 8

Nội dung: Từ bài 1 đến bài 14

## HỌC SINH HỌC THUỘC LÍ THUYẾT VÀ ÔN TẬP CÁC BÀI TẬP

### A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

#### \* Chương I. Cơ học

##### 1. Chuyển động cơ học

- Khi vị trí của vật so với vật mốc thay đổi theo thời gian thì vật chuyển động so với vật mốc (gọi là chuyển động cơ học)

- Vật chuyển động hay đứng yên phụ thuộc vào việc chọn vật mốc, vì vật chuyển động hay đứng yên có tính tương đối. Ta thường chọn những vật gắn với Trái Đất làm vật mốc.

- Các dạng chuyển động thường gặp là chuyển động thẳng và chuyển động cong.

#### \* Bài tập ví dụ:

1. Hành khách ngồi trên ô tô đang rời khỏi bến:

a. So với bến xe thì hành khách chuyển động hay đứng yên? Tại sao?

b. So với ô tô thì hành khách chuyển động hay đứng yên? Tại sao?

2. Cây cột điện ở ven đường đang đứng yên hay chuyển động?

#### \* Hướng dẫn trả lời

1. a. So với bến xe hành khách chuyển động. Vì so với bến xe hành khách có sự thay đổi vị trí.

b. So với ô tô hành khách đứng yên. Vì so với ô tô hành khách không có sự thay đổi vị trí.

2. Cây cột điện ở ven đường đứng yên hay chuyển động phụ thuộc vào việc ta chọn vật nào làm mốc. Nếu chọn mặt đường, cây cối ven đường... làm mốc thì cây cột điện đứng yên. Nếu chọn ô tô đang chạy trên đường, con chim đang bay... làm mốc thì cây cột điện chuyển động.

##### 2. Vận tốc.

- Vận tốc là đại lượng đặc trưng cho mức độ nhanh chậm của chuyển động.

- Công thức tính vận tốc:  $v = \frac{s}{t}$ , trong đó:

+ s là quãng đường vật dịch chuyển

+ t là thời gian vật dịch chuyển được quãng đường s.

- Đơn vị của vận tốc phụ thuộc vào đơn vị quãng đường và đơn vị thời gian.

- Chuyển động đều là chuyển động có vận tốc không thay đổi theo thời gian, chuyển động không đều là chuyển động có vận tốc thay đổi theo thời gian.

- Vận tốc trung bình của chuyển động không đều được xác định theo công thức:  $v_{tb} = \frac{s}{t}$ .

#### \* Bài tập ví dụ

1. Một người đi xe đạp xuống một cái dốc dài 120m hết 30s. Khi hết dốc, xe lăn tiếp một quãng đường nằm ngang dài 60m trong 24s rồi dừng lại. Tính vận tốc trung bình của xe trên quãng đường dốc, trên quãng đường nằm ngang và trên cả hai quãng đường.

\* HD giải:

- Vận tốc trung bình trên quãng đường dốc:

$$v_{tb1} = \frac{s_1}{t_1} = \frac{120}{30} = 4\text{m/s}$$

- Vận tốc trung bình trên quãng đường nằm ngang:

$$v_{tb2} = \frac{s_2}{t_2} = \frac{60}{24} = 2,5\text{m/s}$$

- Vận tốc trung bình trên cả hai quãng đường:

$$v_{tb} = \frac{s_1 + s_2}{t_1 + t_2} = \frac{120 + 60}{30 + 24} \approx 3,3m/s$$

2. Một người đi bộ đều trên quãng đường đầu dài 3km với vận tốc 2m/s. Quãng đường tiếp theo dài 1,95km, người đó đi hết 0,5h. Tính vận tốc trung bình của người đó trên cả hai quãng đường.

\* HD giải:

Tóm tắt

$$s_1 = 3km = 3000m$$

$$v_1 = 2m/s$$

$$s_2 = 1,95km$$

$$t_2 = 0,5h$$

$$v_{tb} = ?$$

Lời giải:

- Thời gian người đó đi quãng đường đầu là:

$$t_1 = \frac{s_1}{v_1} = \frac{3000}{2} = 1500s = \frac{5}{12}h$$

Vận tốc trung bình của người đó trên cả hai quãng đường:

$$v_{tb} = \frac{s_1 + s_2}{t_1 + t_2} = \frac{3 + 1,95}{\frac{5}{12} + 0,5} = 5,4km/h = 1,5m/s$$

3. Một ô tô chuyển động

xe trên mỗi đoạn là  $v_1 = 12m/s$ ,  $v_2 = 8m/s$ ,  $v_3 = 16m/s$ . Tính vận tốc trung bình của ô tô trên cả chặng đường.

\* HD giải:

Vận tốc trung bình:

$$v_{tb} = \frac{3s}{t_1 + t_2 + t_3} = \frac{3s}{\frac{s}{v_1} + \frac{s}{v_2} + \frac{s}{v_3}}$$

$$= \frac{3v_1 v_2 v_3}{v_1 v_2 + v_2 v_3 + v_1 v_3} \approx 11,1m/s$$

5. Hà Nội cách Đồ Sơn 120km. Một ô tô rời Hà Nội đi Đồ Sơn với vận tốc 45km/h. Một người đi xe đạp với vận tốc 15km/h xuất phát cùng lúc theo hướng ngược lại từ Đồ Sơn về Hà Nội.

\* HD giải:

a. Gọi t là khoảng thời gian ô tô và xe đạp gặp nhau:

$$t = \frac{s_1}{v_1} = \frac{s_2}{v_2}$$

Khi hai xe gặp nhau, ta có:

$$\begin{cases} \frac{s_1}{v_1} = \frac{s_2}{v_2} \\ s_1 + s_2 = 120 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} s_1 = 90km \\ s_2 = 30km \end{cases}$$

$$\Rightarrow t = \frac{s_1}{v_1} = \frac{s_2}{v_2} = \frac{90}{45} = \frac{30}{15} = 2h$$

b. Nơi gặp nhau cách Hà Nội 90km.

### 3. Biểu diễn lực

- Lực là một đại lượng vector (có phương, chiều và độ lớn). Kí hiệu vector lực:  $\vec{F}$

- Biểu diễn lực: Dùng một mũi tên có:

+ Góc là điểm mà lực tác dụng lên vật (gọi là điểm đặt)

+ Phương và chiều là phương và chiều của lực

+ Độ dài biểu diễn cường độ (độ lớn) của lực theo một tỉ xích cho trước.

\* Bài tập ví dụ:

Biểu diễn các vectơ lực sau đây:

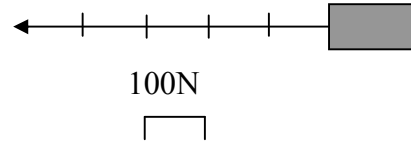
- Trọng lực của một vật có khối lượng 15kg (tỉ xích tùy chọn).
- Lực kéo một vật có độ lớn 500N theo phương ngang, chiều từ phải sang trái, tỉ xích 1cm ứng với 100N.

**HD trả lời:**

a. Trọng lực của một vật có khối lượng 15kg là 150N



b.



#### 4. Hai lực cân bằng, quán tính.

- Hai lực cân bằng là hai lực cùng đặt lên một vật, có cường độ bằng nhau, cùng phương nhưng ngược chiều.

- Quán tính đặc trưng cho xu thế giữ nguyên vận tốc. Mọi vật không thể thay đổi vận tốc đột ngột vì có quán tính.

- Dưới tác dụng của hai lực cân bằng, một vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên, đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

**\* Bài tập ví dụ:**

Đặt một chén nước trên góc của một tờ giấy mỏng. Hãy tìm cách rút tờ giấy ra mà không làm dịch chén. Giải thích cách làm đó.

\* Trả lời: Giật nhanh tờ giấy ra khỏi chén nước. Do quán tính chén nước chưa kịp thay đổi vận tốc nên chén nước không bị đổ.

#### 5. Lực ma sát

- Lực ma sát trượt: Lực xuất hiện khi một vật trượt trên vật khác, có chiều ngược với chiều chuyển động của vật.

- Lực ma sát lăn: Lực xuất hiện khi một vật lăn trên vật khác, có chiều ngược với chiều chuyển động của vật.

- Lực ma sát nghỉ: xuất hiện giữ cho vật không trượt khi bị tác dụng của lực khác, có chiều ngược với chiều của lực tác dụng.

- Lực ma sát có thể có hại hoặc có ích.

**\* Bài tập ví dụ:**

1. Hãy giải thích các hiện tượng sau và cho biết trong các hiện tượng này ma sát có ích hay có hại?

- Khi đi trên sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã.
- Ô tô đi trên đường đất mềm có bùn dễ bị sa lầy
- Giày đi mãi đế bị mòn.
- Mặt lốp ô tô vận tải phải có khía sâu hơn mặt lốp xe đạp.
- Phải bôi nhựa thông vào dây cung ở đàn kéo nhị (đàn cò)

2. Ô bi có tác dụng gì? Tại sao việc phát minh ra ô bi lại có ý nghĩa quan trọng đến sự phát triển của khoa học và công nghệ?

\* HD trả lời:

1. a. Khi đi trên sàn đá hoa mới lau dễ ngã vì lực ma sát nghỉ giữa sàn với chân người rất nhỏ. Ma sát trong hiện tượng này là có ích.

b. Ô tô đi trên đường đất mềm có bùn, khi đó lực ma sát giữa lốp ô tô và mặt đường quá nhỏ nên bánh xe ô tô bị quay trượt trên mặt đường. Ma sát trong trường hợp này là có lợi.

c. Giày đi mãi để bị mòn vì ma sát của mặt đường với đế giày làm mòn đế. Ma sát trong trường hợp này có hại.

d. Khía rãnh ở mặt bánh lốp ô tô vận tải phải có độ sâu hơn mặt lốp xe đạp để tăng thêm độ ma sát giữa lốp với mặt đường. Ma sát này có lợi để tăng độ bám của lốp xe với mặt đường lúc xe chuyển động. Khi phanh, lực ma sát giữa mặt đường với bánh xe đủ lớn làm xe nhanh chóng dừng lại. Ma sát ở trường hợp này là có lợi.

2. Ổ bi có tác dụng giảm ma sát do thay thế ma sát trượt bằng ma sát lăn của các viên bi. Nhờ sử dụng ổ bi nên đã giảm được lực cản lên các vật chuyển động, khiến cho các máy móc hoạt động dễ dàng, giúp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành động lực học, cơ khí, chế tạo máy...

## 6. Áp suất

- Áp lực: là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.

- Áp suất: Độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép:  $p = \frac{F}{S}$

Trong đó: p là áp suất, F là áp lực tác dụng lên mặt bị ép có diện tích là S.

Nếu F có đv là N, S có đv là  $m^2$  thì p có đv là  $N/m^2$  (niuton trên mét vuông),  $N/m^2$  còn gọi là paxcan(Pa).  $1Pa = 1N/m^2$

- Áp suất chất lỏng: Chất lỏng gây ra áp suất theo mọi phương lên đáy bình, thành bình và các vật ở trong lòng nó.

+ Công thức tính áp suất chất lỏng:  $p = d.h$ , trong đó h là độ sâu tính từ mặt thoáng của chất lỏng đến điểm tính áp suất, d là trọng lượng riêng của chất lỏng.

\* Bình thông nhau: Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, các mặt thoáng của chất lỏng ở các nhánh khác nhau đều ở cùng một độ cao.

- Áp suất khí quyển: Không khí cũng có trọng lượng nên Trái Đất và mọi vật trên Trái Đất đều chịu áp suất của lớp không khí bao quanh Trái Đất.

+ Áp suất khí quyển bằng áp suất của cột thủy ngân trong ống Tôrixeli.

### \* Bài tập ví dụ:

1. Một người tác dụng lên mặt sàn một áp suất  $1,7.10^4 N/m^2$ . Diện tích của bàn chân tiếp xúc với mặt sàn là  $0,03m^2$ . Hỏi trọng lượng và khối lượng của người đó?

2. Đặt một bao gạo 60kg lên một cái ghế bốn chân có khối lượng 4kg. Diện tích tiếp xúc với mặt đất của mỗi chân ghế là  $8cm^2$ . Tính áp suất chân ghế tác dụng lên mặt đất.

3. Một tàu ngầm đang di chuyển ở dưới biển. Áp kế đặt ở ngoài vỏ tàu chỉ áp suất  $2,02.10^6 N/m^2$ . Một lúc sau áp kế chỉ  $0,86.10^6 N/m^2$ .

a. Tàu đã nổi lên hay lặn xuống? Vì sao khẳng định được điều như vậy?

b. Tính độ sâu của tàu ngầm ở hai thời điểm trên. Cho biết trọng lượng riêng của nước biển bằng  $10300N/m^3$ .

4. Tại sao nắp ấm pha trà thường có một lỗ nhỏ?

5. Tại sao không thể tính trực tiếp áp suất khí quyển bằng công thức  $p = d.h$

### \*HD trả lời:

1. Trọng lượng của người:

$$P = p.S = 17000.0,03 = 510N$$

$$\text{Khối lượng của người: } m = \frac{P}{10} = 51kg$$

2. Áp suất của các chân ghế tác dụng lên mặt đất là:

$$p = \frac{P}{S} = \frac{60.10 + 4.10}{4.0,0008} = \frac{640}{0,0032} = 200000N / m^2$$

3. a. Áp suất tác dụng lên vỏ tàu ngầm giảm, tức là cột nước ở phía trên tàu ngầm giảm. Vậy tàu ngầm đã nổi lên.



b. Áp dụng công thức  $p = d.h \Rightarrow h = \frac{p}{d}$ .

- Độ sâu của tàu ngầm ở thời điểm trước:

$$h_1 = \frac{p_1}{d} = \frac{2020000}{10300} \approx 196m$$

- Độ sâu của tàu ngầm ở thời điểm sau là:

$$h_2 = \frac{p_2}{d} = \frac{860000}{10300} \approx 83,5m$$

4. Để rót nước dễ dàng. Vì có lỗ thủng ở trên nắp nên khí trong ấm thông với khí quyển, áp suất khí trong ấm cộng với áp suất nước trong ấm lớn hơn áp suất khí quyển, bởi vậy làm nước chảy từ trong ấm ra dễ dàng hơn.

5. Không thể tính trực tiếp áp suất khí quyển bằng công thức  $p = d.h$ , vì độ cao của lớp khí quyển không xác định được chính xác và trọng lượng riêng của không khí cũng thay đổi theo độ cao.

### 7. Lực đẩy Acsimet. Sự nổi

- Một vật nhúng trong chất lỏng bị chất lỏng tác dụng một lực đẩy hướng từ dưới lên gọi là lực đẩy Acsimet.

- Độ lớn của lực đẩy Acsimet:  $F_A = d.V$ ; Với  $d$  là trọng lượng riêng của chất lỏng,  $V$  là thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

$F_A < P \rightarrow$  Vật chìm;       $F_A = P \rightarrow$  Vật lơ lửng;       $F_A > P \rightarrow$  Vật nổi.  
( $P$ : trọng lượng của vật)

### 8. Công cơ học

- Khi có một lực tác dụng vào vật và làm cho vật dịch chuyển thì lực này sinh công

$A = F.s \rightarrow$  Công cơ học phụ thuộc vào hai yếu tố: Lực tác dụng  $F$  và quãng đường dịch chuyển  $s$ .

Khi  $F = 1N$ ,  $s = 1m$  thì  $A = 1N.1m = 1Nm$

Đơn vị tính công là Jun(J) ( $1J = 1Nm$ )

- Định luật về công: Không một máy cơ đơn giản nào cho ta lợi về công. Được lợi bao nhiêu lần về lực thì thiệt bấy nhiêu lần về đường đi và ngược lại.

#### \* Bài tập ví dụ:

1. Người ta dùng một cần cẩu để nâng một thùng hàng khối lượng 2 500kg lên độ cao 12m. Tính công thực hiện được trong trường hợp này.

2. Một con ngựa kéo xe chuyển động đều với lực kéo là 600N. Trong 5 phút công thực hiện được là 360kJ. Tính vận tốc của xe.

3. Một người công nhân dùng ròng rọc động để nâng một vật lên cao 7m với lực kéo ở đầu dây tự do là 160N. Hỏi người công nhân đó đã thực hiện một công bằng bao nhiêu?

#### \* HD giải:

1. Thùng hàng có khối lượng là 2 500kg nên có trọng lượng là 25 000N.

Công thực hiện được khi nâng thùng hàng lên độ cao 12m là:

$$A = F.s = P.s = 25\ 000.12 = 300\ 000J = 300kJ.$$

2. Quãng đường xe đi được do lực kéo của con ngựa:

$$s = \frac{A}{F} = \frac{360000}{600} = 600m$$

Vận tốc chuyển động của xe là:

$$v = \frac{s}{t} = \frac{600}{300} = 2m/s$$

3. Kéo một vật nặng lên cao nhờ ròng rọc động thì được lợi hai lần về lực nhưng lại thiệt hai lần về đường đi.

Vật được nâng lên cao 7m thì đầu dây tự do phải kéo đi một đoạn bằng 14m.

Công do người công nhân thực hiện được là:

$$A = F.s = 160.14 = 2\ 240J$$

**B. ÔN TẬP**

- **ÔN LẠI TẤT CẢ CÁC BÀI TẬP TRONG SGK, SBT.**
- **HỌC THUỘC GHI NHỚ CÁC BÀI TỪ 1 ĐẾN 14**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN TOÁN 8**  
**Năm học 2018-2019**

**A. LÝ THUYẾT**

**\*Phần I: Đại Số**

- Câu 1: Phát biểu các quy tắc nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức  
 Câu 2: Viết 7 hằng đẳng thức đáng nhớ. Mỗi hằng đẳng thức cho 1 VD?  
 Câu 3: Kể tên các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử. Mỗi phương pháp cho 1 VD.  
 Câu 3: Phát biểu quy tắc chia 2 đa thức một biến đã sắp xếp? Cho VD.  
 Câu 4: Nêu định nghĩa phân thức đại số, định nghĩa hai phân thức bằng nhau. Cho VD  
 Câu 5: Phát biểu quy tắc rút gọn phân thức; quy tắc quy đồng mẫu thức nhiều phân thức. Cho VD  
 Câu 6: Phát biểu các quy tắc cộng, trừ, nhân và chia các phân thức. Cho VD.

**\*Phần II: Hình học**

1. Định lý tổng các góc của một tứ giác.
2. Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết của hình thang, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.
3. Định nghĩa, tính chất đường trung bình của tam giác, của hình thang.
4. Tính chất đường trung tuyến ứng với cạnh huyền của tam giác vuông
5. Diện tích các hình chữ nhật, hình vuông, tam giác.

**B. ĐỀ MINH HỌA**

**ĐỀ SỐ 1**

**Phần I. TRẮC NGHIỆM (3Điểm)**

**Em hãy chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng**

**Câu 1:** Kết quả của phép nhân đa thức  $5x^3 - x - \frac{1}{2}$  với đơn thức  $x^2$  là :

- A.  $5x^5 - x^3 + \frac{1}{2}x^2$     B.  $5x^5 - x^3 - \frac{1}{2}x^2$     C.  $5x^5 + x^3 + \frac{1}{2}x^2$     D.  $5x^5 + x^3 - \frac{1}{2}x^2$

**Câu 2:** Giá trị của phân thức  $\frac{x^2 - x}{2(x - 1)}$  tại  $x = 4$  là :

- A. 2                                      B. 4                                      C. 6                                      D. 8

**Câu 3:** Cho tam giác ABC ,đường cao AH = 3cm , BC = 4cm thì diện tích của tam giác ABC là :

- A. 5 cm<sup>2</sup>                                      B. 7 cm<sup>2</sup>                                      C. 6 cm<sup>2</sup>                                      D. 8 cm<sup>2</sup>

**Câu 4:** Phép chia  $2x^4y^3z : 3xy^2z$  có kết quả bằng :

- A.  $\frac{2}{3}x^3y$  B.  $x^3y$                                       C.  $\frac{2}{3}x^4yz$                                       D.  $\frac{3}{2}x^3y$

**Câu 5:** Giá trị của biểu thức  $x^2 - 6x + 9$  tại  $x = 5$  có kết quả bằng

- A. 3                                      B. 4                                      C. 5                                      D. 6

**Câu 6:** Đường trung bình MN của hình thang ABCD có hai đáy AB = 4cm và CD = 6 cm độ dài MN là :

- A. 10cm                                      B. 5cm                                      C. 4cm.                                      D. 6cm

**Câu 7:** Mẫu thức chung của hai phân thức  $\frac{4}{x^2-9}$  và  $\frac{1-x}{x^2+3x}$  là :

- A)  $(x-9)(x^2+3x)$       B)  $x(x-9)$       C)  $x(x+3)(x-3)$       D)  $(x+3)(x-9)$

**Câu 8:** Kết quả phép chia  $\frac{6x-3}{2x^3y^2} : \frac{12x-6}{4x^2y^3}$  là :

- A)  $\frac{9(2x-1)^2}{4x^5y^5}$       B)  $\frac{y}{x}$       C)  $\frac{-y}{x}$       D)  $\frac{x}{y}$

**Câu 9:** Hình thang cân là hình thang :

- A. Có 2 góc bằng nhau.      B. Có hai cạnh bên bằng nhau.  
C. Có hai đường chéo bằng nhau      D. Có hai cạnh đáy bằng nhau.

**Câu 10:** Tổng hai phân thức:  $\frac{2x-1}{2x} + \frac{4x+1}{2x}$  là:

- A. 1      ;      B.  $\frac{6x-2}{2x}$       ;      C. 3      ;      D.  $\frac{6x+2}{2x}$

**Câu 11:** Hình nào sau đây có 4 trục đối xứng?

- A. Hình vuông.      B. Hình chữ nhật      C. Hình thoi      D. Hình bình hành

**Câu 12:** Tứ giác là hình chữ nhật nếu:

- A) Là tứ giác có hai đường chéo bằng nhau.  
B) Là hình thang có hai góc vuông.  
C) Là hình thang có một góc vuông.  
D) Là hình bình hành có một góc vuông.

**Câu 13:** Điều kiện để giá trị phân thức  $\frac{2012x}{2-x}$  xác định là:

- A.  $x \neq 0$       B.  $x \neq 2$       C.  $x \neq -2$       D.  $x \neq 0; x \neq -2$

**Câu 14:** Hình chữ nhật có hai kích thước là 7cm và 4cm thì diện tích bằng:

- A.  $28m^2$       B.  $14 cm^2$       C.  $22 cm^2$       D.  $11 cm^2$

**Câu 15:** Hình vuông có cạnh bằng 4cm thì đường chéo của hình vuông đó bằng bao nhiêu?

- A. 2cm      B.  $\sqrt{32}$  cm      C. 8cm      D.  $\sqrt{8}$  cm

## Phần II. TỰ LUẬN (7Điểm)

**Bài 1:** (1,0 điểm) Thực hiện phép tính

a)  $(x-5)(2x+3) - 2x(x-3) + x + 7$

b)  $(x^3 + 4x^2 - 5x - 20) : (x + 4)$

**Bài 2:** (1,0 điểm) Tìm x, biết:

a)  $x^2 + 5x = 0$ ;      b)  $4x^2 - 9 - x(2x - 3) = 0$ .

**Bài 3:** (1,5 điểm) Cho biểu thức

$$P = \frac{x+y}{2x-2y} - \frac{x-y}{2x+2y} - \frac{y^2+x^2}{y^2-x^2}$$

- a) Tìm điều kiện xác định của biểu thức.  
b) Rút gọn biểu thức.

**Bài 4:** (3,0 điểm)

Cho tam giác ABC cân tại A có AH là đường cao.



**Câu 13.** Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm. Độ dài cạnh của nó bằng:

- A. 5cm                      B. 6cm                      C. 8cm                      D. 10cm

**Câu 14.** Diện tích hình chữ nhật sẽ thay đổi thế nào nếu chiều dài giảm đi 2 lần và chiều rộng tăng lên 2 lần:

- A. Không thay đổi.                      B. Tăng lên 4 lần.  
C. Tăng lên 2 lần.                      D. Cả 3 câu A,B,C đều sai

**Câu 15:** Trong các hình sau, hình nào có một trục đối xứng?

- A. Hình vuông      B. Hình chữ nhật      C. Hình thang cân      D. Hình thoi

**2. PHẦN TỰ LUẬN:** (7 điểm)

**Bài 1:**(2,0 điểm)

Thực hiện các phép tính:

- a)  $3x(x^3 - 2x)$                       b)  $\frac{4y^3}{7x^2} \cdot \frac{14x^3}{y}$   
c)  $\frac{x^2 - 9}{2x + 6} : \frac{3 - x}{2}$                       d)  $\frac{x + 15}{x^2 - 9} + \frac{2}{x + 3}$  ( với  $x \neq \pm 3$  )

**Bài 2:**(1,0 điểm)

Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

- a)  $2x + 4y$                       b)  $x^2 + 2xy + y^2 - 1$

**Bài 3:**(3,5 điểm)

Cho tam giác ABC vuông tại A, AB = 4cm, AC = 8cm. Gọi E là trung điểm của AC và M là trung điểm của BC.

- a) Tính EM.  
b) Vẽ tia Bx song song với AC sao cho Bx cắt EM tại D. Chứng minh rằng tứ giác ABDE là hình vuông.  
c) Chứng minh tứ giác BDCE là hình bình hành.  
d) Gọi I là giao điểm của BE và AD. Gọi K là giao điểm của BE với AM. Chứng minh DC=6.IK.

**Bài 4:** (0,5 điểm) Tìm x để biểu thức sau có giá trị lớn nhất, tìm giá trị lớn nhất đó

$$A = \frac{1}{x^2 - 4036x + 4074343}$$

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN: SINH HỌC 8**

**I. Phần trắc nghiệm:**

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước các phương án trả lời đúng trong các câu sau:

- Câu 1.** Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì ?  
A. Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbonic.      B. Sử dụng khí CO<sub>2</sub> và loại thải khí ôxi.  
C. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbonic.      D. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ.
- Câu 2.** Cảm ứng là gì ?  
A. Là khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin bằng cách phát sinh xung thần kinh.  
B. Là khả năng phân tích thông tin và trả lời các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh.  
C. Là khả năng làm phát sinh xung thần kinh và dẫn truyền chúng tới trung khu phân tích.  
D. Là khả năng tiếp nhận và phản ứng lại các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh.
- Câu 3.** Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi ?  
A. CO.      B. O<sub>2</sub>.      C. CO<sub>2</sub>.      D. N<sub>2</sub>.
- Câu 4.** Trong ống tiêu hoá ở người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu thuộc về cơ quan nào ?

- A. Ruột thừa.                      B. Dạ dày.                      C. Ruột già.                      D. Ruột non.
- Câu 5.** Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp ?  
 A. Thanh quản.                      B. Phế quản.                      C. Thực quản.                      D. Khí quản.
- Câu 6.** Chất nhày trong dịch vị có tác dụng gì ?  
 A. Bảo vệ dạ dày khỏi sự xâm lấn của virut gây hại.  
 B. Dự trữ nước cho hoạt động co bóp của dạ dày.  
 C. Chứa một số enzym giúp tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn.  
 D. Bao phủ bề mặt niêm mạc, giúp ngăn cách các tế bào niêm mạc với pepsin và HCl.
- Câu 7.** Bộ phận nào của đường hô hấp có vai trò chủ yếu là bảo vệ, diệt trừ các tác nhân gây hại ?  
 A. Phế quản.                      B. Họng.                      C. Khí quản.                      D. Thanh quản.
- Câu 8.** Dựa vào phân loại, em hãy cho biết mô nào dưới đây không được xếp cùng nhóm với các mô còn lại ?  
 A. Mô cơ trơn.                      B. Mô mỡ.                      C. Mô máu.                      D. Mô xương.
- Câu 9.** Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là  
 A. chất kháng sinh.                      B. kháng nguyên.                      C. kháng thể.                      D. prôtêin độc.
- Câu 10.** Ở người, khoang bụng và khoang ngực ngăn cách nhau bởi bộ phận nào ?  
 A. Cơ hoành.                      B. Cơ ức đòn chũm.                      C. Cơ liên sườn.                      D. Cơ nhị đầu.
- Câu 11.** Khi mạch máu bị nứt vỡ, loại ion khoáng nào dưới đây sẽ tham gia tích cực vào cơ chế hình thành khối máu đông ?  
 A.  $Cl^-$                       B.  $Ca^{2+}$                       C.  $Na^+$                       D.  $Ba^{2+}$
- Câu 12.** Ở người bình thường, trung bình mỗi chu kì thì tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong bao lâu ?  
 A. 0,5 giây.                      B. 0,3 giây.                      C. 0,4 giây.                      D. 0,1 giây.
- Câu 13.** Yếu tố nào dưới đây đóng vai trò cốt lõi, giúp con người bớt lệ thuộc vào thiên nhiên ?  
 A. Lao động.                      B. Di chuyển bằng hai chân.  
 C. Bộ não phát triển.                      D. Sống trên mặt đất.
- Câu 14.** Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng  
 A. một lần hít vào hoặc một lần thở ra.                      B. hai lần hít vào và một lần thở ra.  
 C. một lần hít vào và hai lần thở ra.                      D. một lần hít vào và một lần thở ra.
- Câu 15.** Máu được xếp vào loại mô gì ?  
 A. Mô thần kinh.                      B. Mô liên kết.                      C. Mô biểu bì.                      D. Mô cơ.

## **II. TỰ LUẬN:**

**Câu 1:** a. Nêu đặc điểm cấu tạo của tim phù hợp với chức năng?

b. Giải thích tại sao tim hoạt động suốt đời không mệt mỏi?

**Câu 2:** Trình bày cấu tạo của dạ dày phù hợp với chức năng? Với khẩu phần ăn đầy đủ chất, sau khi tiêu hóa ở dạ dày thì còn loại chất nào trong thức ăn cần được tiêu hóa tiếp?

**Câu 3 :** Nêu các thành phần cấu tạo nên hệ hô hấp? Để có hệ hô hấp khỏe mạnh ta phải làm gì?

**Câu 4 :** Các chất trong thức ăn có thể được phân nhóm như thế nào? Vai trò của tiêu hóa là gì?

### **Đề cương ôn tập HK1 địa lí 8**

Câu 1: Trình bày đặc điểm dân cư, xã hội Châu Á? Dân số Châu Á có thuận lợi, khó khăn gì ?  
 Nêu biện pháp khắc phục ?

\*Một châu lục đông dân nhất thế giới:

- số dân: 3766 triệu người

- => 61% dân số thế giới trong khi chỉ chiếm 23,4% diện tích thế giới

- tỉ lệ tăng tự nhiên là : 1,3%, đứng thứ ba sa Châu Phi và Châu Mỹ

=> Châu Á là châu lục đông dân nhất thế giới

\*Dân cư thuộc nhiều chủng tộc : dân cư Châu Á thuộc các chủng tộc :

-Môn – gô – lô – it : phân bố ở Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á

- Ô-rô-pê-ô-it : phân bố ở Trung Á, Nam Á, Tây Nam Á

-Ô- xtra –lô-it : rải rác ở Nam Á, Đông Nam Á

\* Châu Á là nơi ra đời của các tôn giáo lớn

-Ấn Độ giáo : ra đời vào năm 250TCN ở Ấn Độ, thờ đấng tối cao Bà La Môn

-Phật giáo : ra đời vào TK 6 TCN ở Ấn Độ, thờ Phật Thích Ca

-Ki Tô giáo : ra đời vào đầu Công nguyên ở Pa-le-xtin, thờ chúa Giê-Su

-Hồi giáo : ra đời vào TK VII sau Công nguyên ở A-rập-xê-út, thờ Thánh A-La

\*Thuận lợi

-nguồn nhân lực dồi dào

-giá nhân công rẻ, tạo điều kiện cho sự thu hút đầu tư ưóc ngoài

-thị trường tiêu thụ rộng lớn

-.....

\*Khó khăn :

-tăng sức ép tới an ninh lương thực

-thiếu việc làm

-tăng sức ép tới y tế, giáo dục, cơ sở hạ tầng...

-tạo ra các luồng di cư tự phát giữa các khu vực và các quốc gia

-thiếu nhân công có kỹ thuật tay nghề cao

-.....

\*Biện pháp khắc phục :

-Giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên

-Đào tạo nghề kỹ thuật cao cho người trong độ tuổi lao động

-Có chính sách ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài

-Có chính sách phát triển kinh tế ở các vùng sâu, vùng xa

-Xuất khẩu lao động

-.....

Câu 2 : tình hình phát triển nông nghiệp các nước Châu Á ?

\*Khu vực khí hậu gió mùa : Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á

-Cây trồng : lúa gạo, lúa mì, ngô, chè

-Vật nuôi : trâu, bò, lợn, gà...

\*khu vực khí hậu lục địa : Tây Nam Á, Trung Á

-Cây trồng : lúa mì, bông, chà là..

-Vật nuôi : cừu, bò, trâu...

\*Thành tựu :

-Lúa gạo là cây lương thực quan trọng nhất của Châu Á

-Châu Á chiếm 93% sản lượng lúa gạo và 39 % sản lượng lúa mì toàn thế giới

-Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia đông dân nhất thế giới trước đây thường xuyên thiếu hụt lương thực, nay đã đủ cho nhu cầu trong nước và có để xuất khẩu

-Việt Nam và Thái Lan là hai nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ hai thế giới.

Câu 3 : cho biết đặc điểm dân cư, kinh tế,, chính trị khu vực Tây Nam Á

\*Dân cư :

-số dân : 286 triệu người

-phần lớn là người A-Rập theo đạo Hồi

-Dân cư tập trung ở các vùng ven biển, các thung lũng có mưa, các nơi có thể đào được giếng lấy nước

\*Kinh tế :

-Nông nghiệp : trồng lúa gạo, lúa mì, chà là, chăn nuôi du mục

-Công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ

-Thương mại : xuất khẩu dầu mỏ

\*Chính trị :

-là khu vực bất ổn định về chính trị : thường xuyên xảy ra các cuộc tranh chấp gay gắt giữa các dân tộc trong và ngoài khu vực

Câu 4 : Vị trí địa lý và địa hình khu vực Nam Á ? đặc điểm dân cư Nam Á ?

a/ Vị trí địa lý và địa hình khu vực Nam Á

+ Nằm ở phía Nam châu Á

- từ :  $+/ 9^{\circ} \text{B} - 36^{\circ} \text{B}$ ;

$+/ 62^{\circ} \text{Đ} - 98^{\circ} \text{Đ}$

- giáp biển A-rập, vịnh Ben-gan,

- trên đất liền thì giáp với Tây Á, Trung Á, Đông Á và Đông Nam Á.

\*Địa hình:

Nam Á có ba miền địa hình khác nhau :

+/ Phía bắc

- là hệ thống núi Hi-ma-lay-a

- hướng tây bắc - đông nam

- Đặc điểm: dài gần 2600 km, bề rộng trung bình từ 320 - 400 km.

+/ Phía nam

- là sơn nguyên Đê-can tương đối thấp và bằng phẳng.

-Hai rìa phía tây và phía đông của sơn nguyên là các dãy Gát Tây và Gát Đông.

+/ Nằm giữa

- là đồng bằng Ấn-Hằng

- Đặc điểm: rộng và bằng phẳng, chạy từ bờ biển A-rập đến bờ vịnh Ben-gan dài hơn 3000 km, bề rộng từ 250 km đến 350 km.

b/ đặc điểm dân cư Nam Á

-số dân : 1356 triệu người ( số liệu 2001) => là một trong những khu vực đông dân của Châu Á

-Mật độ dân số : 302 người/km<sup>2</sup> => Nam Á có mật độ dân số cao nhất trong các khu vực châu á

-Dân cư phân bố không đồng đều

Câu 5 : Vị trí địa lý và phạm vi khu vực Đông Á ?

-vị trí : từ  $21^{\circ} \text{B}$  đến  $53^{\circ} \text{B}$

- chia làm hai bộ phận :



+phần đất liền : chiếm 83,7 % diện tích

+phần hải đảo : chiếm 16,3 % diện tích

-Gồm 4 quốc gia : Trung Quốc, Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản và vùng lãnh thổ Đài Loan

### **ĐỀ CƯƠNG GDCD LỚP 8 HỌC KỲ I**

**Câu 1:** Thế nào là lao động tự giác, sáng tạo? Hãy lấy ví dụ về lao động tự giác, sáng tạo trong học tập của học sinh?

**Câu 2:** Lao động tự giác, sáng tạo có tác dụng gì?

**Câu 3:** Ông bà, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ gì đối với con cháu?

**Câu 4:** Con cháu có quyền và nghĩa vụ gì đối với ông bà, cha mẹ?

**Câu 5:** Anh chị em trong gia đình phải có trách nhiệm với nhau như thế nào?

**Câu 6:** Pháp luật quy định như thế nào về nghĩa vụ của con cháu đối với ông bà, cha mẹ? Em đã làm được những việc gì để thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bản thân trong gia đình?

### **HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI GDCD LỚP 8 HỌC KỲ I**

**Câu 1:**

- Lao động tự giác là chủ động làm việc không đợi ai nhắc nhở, không phải do áp lực từ bên ngoài.

- Lao động tự giác, sáng tạo là trong quá trình lao động luôn suy nghĩ, cải tiến để tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết tối ưu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động.

- HS tự lấy ví dụ đúng.

**Câu 2:**

- Lao động tự giác, sáng tạo giúp ta tiếp thu được kiến thức, kỹ năng lao động. Chất lượng, hiệu quả học tập, lao động ngày càng cao.

**Câu 3:**

- Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. Không phân biệt đối xử, ngược đãi, xúc phạm con...

- Ông bà có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu chưa thành niên.

**Câu 4:**

- Con cháu có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà. Nghiêm cấm hành vi ngược đãi ông bà, cha mẹ.

**Câu 5:**

- Anh chị em có bổn phận thương yêu, chăm sóc, ..

**Câu 6:**

\* Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của con cháu đối với ông bà, cha mẹ:

- Con cháu có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn ông bà, cha mẹ.

- Con cháu có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà; đặc biệt là khi ông bà, cha mẹ ốm đau, già yếu.

- Nghiêm cấm con cháu có hành vi ngược đãi, xúc phạm cha mẹ, ông bà.

\* Liên hệ của học sinh

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ LỚP 8 KỲ I

### TRẮC NGHIỆM:

Ôn theo các bài sau:

**1. Chiến tranh thế giới thứ nhất ( 1914 – 1918) và chiến tranh thế giới thứ hai ( 1939 – 1945)**

**2. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô ( 1921 – 1941)**

**3. Châu Á và nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới ( 1918 – 1939)**

### TỰ LUẬN

**Câu 1.** Trình bày nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất ( 1914 – 1918).

**Câu 2.** Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga 1917?

**Câu 3.** Việc thực hiện chính sách kinh tế mới có tác dụng gì đối với nền kinh tế của nước Nga Xô – viết thời bấy giờ?

### Đáp án tự luận:

**Câu 1.** Trình bày nguyên nhân dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất ( 1914 – 1918):

+ Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Những cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên để tranh giành thuộc địa đã diễn ra.

+ Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa trở nên gay gắt, dẫn đến sự hình thành hai khối quan sự kình địch nhau: khối liên minh gồm Đức, Áo – Hung, I – ta – li – a ra đời năm 1882; khối Hiệp ước của ba nước Anh, Pháp, Nga hình thành năm 1907. Hai khối này đều ráo riết chạy đua vũ trang và tích cực chuẩn bị chiến tranh, mong muốn thanh toán địch thủ của mình để chia lại thuộc địa, làm bá chủ thế giới.

**Câu 2.** Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga 1917

+ Đối với nước Nga: Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi hoàn toàn vận mệnh đất nước và số phận của hàng triệu con người ở Nga. Lần đầu tiên trong lịch sử, cách mạng đã đưa những người lao động lên nắm chính quyền, xây dựng chế độ mới – chế độ xã hội chủ nghĩa, trên một đất nước rộng lớn, chiếm tới 1/6 diện tích đất nổi của thế giới.

+ Đối với thế giới: Cách mạng tháng Mười đã dẫn đến những thay đổi lớn lao trên thế giới và để lại nhiều bài học quý báu cho cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều nước.

**Câu 3.** Nhờ thực hiện Chính sách kinh tế mới, nhất là nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có nền kinh tế tư nhân, đã đẩy mạnh nền sản xuất, phát triển lưu thông hàng hóa, làm cho nền kinh tế phục hồi và phát triển nhanh chóng. Đời sống nhân dân do đó được cải thiện. Năm 1925, sản xuất công – nông – nghiệp đạt mức xấp xỉ trước chiến tranh.

Chính sách kinh tế mới là sự đổi mới sáng tạo của Lê – nin và đất nước Xô – viết.

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

**A. VĂN HỌC:**

**1. TRUYỆN KÍ VIỆT NAM:**

TT	Tên văn bản (Tác phẩm)	Tác giả	Năm sáng tác	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
1	Tôi đi học	Thanh Tịnh	1941	Truyện ngắn	Trong cuộc đời mỗi con người, kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên thường được ghi nhớ mãi.	Nghệ thuật tự sự xen miêu tả và biểu cảm
2	Trong lòng mẹ (trích chương 4 của hồi kí “Những ngày thơ ấu).	Nguyễn Hồng	1938	Hồi kí	Đoạn trích Trong lòng mẹ, trích hồi kí Những ngày thơ ấu của Nguyễn Hồng, đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng, tủi cực cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Kết hợp kể, bộc lộ cảm xúc.</li> <li>_ Hình ảnh giàu sức gợi cảm.</li> <li>_ Lời văn đậm chất trữ tình.</li> </ul>
3	Tức nước vỡ bờ (trích chương 14 của tiểu thuyết “Tắt đèn”)	Ngô Tất Tố	1939	Tiểu thuyết	Đoạn văn Tức nước vỡ bờ (trích tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố) đã vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời; xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ, khiến họ phải liều mạng chống lại. Đoạn trích còn cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Khắc họa nhân vật rõ nét.</li> <li>_ Ngôi bút miêu tả linh hoạt, sống động.</li> <li>_ Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả đối thoại đặc sắc.</li> </ul>
4	Lão Hạc	Nam Cao	1943	Truyện ngắn	Truyện ngắn Lão Hạc thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân.	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Câu chuyện gần gũi, chân thực.</li> <li>_ Cách dẫn dắt tự nhiên, linh hoạt.</li> <li>_ Khắc họa nhân vật tài tình, có chiều sâu nội tâm.</li> </ul>

## 2. TRUYỆN NƯỚC NGOÀI:

TT	Tên văn bản (Tác phẩm)	Tác giả	Năm sáng tác	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
1	Cô bé bán diêm	An-đéc-xen		Truyện ngắn	Tác phẩm Cô bé bán diêm của An-đéc-xen truyền cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc đối với một em bé bất hạnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Nghệ thuật tương phản.</li> <li>_ Nghệ thuật đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng.</li> <li>_ Cách kể chuyện hợp lí tình tiết hấp dẫn.</li> </ul>
2	Đánh nhau với cối xay gió (trích tiểu thuyết “Đôn-ki-hô-tê”).	Xéc-van-tét		Tiểu thuyết	Sự tương phản về mọi mặt giữa Đôn-ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa trong tiểu thuyết Đôn-ki-hô-tê của Xéc-van-tét tạo nên một cặp nhân vật bất hủ trong văn học thế giới. Đôn-ki-hô-tê thật nực cười nhưng cơ bản có những phẩm chất đáng quý ; Xan-chô Pan-xa có những mặt tốt song cũng bộc lộ nhiều điểm đáng chê trách.	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Bút pháp tương phản, đối lập.</li> <li>_ Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, hấp dẫn.</li> </ul>
3	Chiếc lá cuối cùng	O.Hen-ri		Truyện ngắn	Gây hứng thú và làm cho chúng ta rung cảm trước tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.	Truyện được xây dựng theo kiểu có nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ, khéo léo, kết cấu đảo ngược tình huống hai lần.
4	Hai cây phong (trích Người thầy đầu tiên)	Ai-ma-tốp		Truyện ngắn	Người kể chuyện truyền cho chúng ta tình yêu quê hương da diết và lòng xúc động đặc biệt vì đây là hai cây phong gắn với câu chuyện về thầy Duy-sen, người đã vun trồng ước mơ, hi vọng cho những học trò nhỏ của mình.	Trong đoạn trích Người thầy đầu tiên của Ai-ma-tốp, hai cây phong được miêu tả hết sức sinh động bằng ngòi bút đậm chất hội họa.

## 3. VĂN BẢN NHẬT DỤNG :

TT	Tên văn bản (Tác phẩm)	Tác giả	Năm sáng tác	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
----	------------------------	---------	--------------	----------	------------------	--------------------

1	Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000	Theo tài liệu của Sở Khoa học – Công nghệ Hà Nội		Sáng tỏ về tác hại của việc dùng bao bì ni lông, về lợi ích của việc giảm bớt chất thải ni lông, đã gọi cho chúng ta những việc có thể làm ngay để cải thiện môi trường sống, để bảo vệ Trái Đất, ngôi nhà chung của chúng ta.	Hình thức trang trọng, bố cục chặt chẽ, thuyết phục, lời văn rõ ràng, dễ hiểu.
2	Ôn dịch, thuốc lá	Nguyễn Khắc Viện		Giống như ôn dịch, nạn nghiện thuốc lá rất dễ lây lan và gây những tổn thất to lớn cho sức khỏe và tính mạng con người. Song nạn nghiện thuốc lá còn nguy hiểm hơn cả ôn dịch : nó gặm nhấm sức khỏe con người nên không dễ kịp thời nhận biết, nó gây tác hại nhiều mặt đối với cuộc sống gia đình và xã hội. Bởi vậy muốn chống lại nó, cần phải có quyết tâm cao hơn và biện pháp triệt để hơn là phòng chống ôn dịch.	Kết hợp chặt chẽ giữa nghị luận và thuyết minh.
3	Bài toán dân số	Thái An		Đất đai không sinh thêm, con người lại càng nhiều lên gấp bội. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình. Từ câu chuyện một bài toán cổ về cấp số nhân, tác giả đã đưa ra các con số buộc người đọc phải liên tưởng và suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại của thế	_ Phương thức biểu đạt: nghị luận _ Nêu vấn đề tự nhiên, nhẹ nhàng mà hấp dẫn, lập luận chặt chẽ, số liệu rõ ràng, giàu sức thuyết phục

					giới, nhất là ở những nước chậm phát triển.	
--	--	--	--	--	---	--

## B. TIẾNG VIỆT:

### 1. Nêu khái niệm và đặc điểm của trường từ vựng?

\_ Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

\_ Đặc điểm của trường từ vựng:

+ Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.

+ Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về loại.

+ Trong thơ văn cũng như cuộc sống hằng ngày, người ta thường dung cách chuyển từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ và khả năng diễn đạt (phép nhân hóa, phép ẩn dụ, so sánh,...).

### 2. Đặc điểm và công dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh ? Viết một đoạn văn có sử dụng hai loại từ này?

\_ Đặc điểm: Từ tượng hình là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.

\_ Công dụng: Từ tượng hình, từ tượng thanh gọi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao ; thường được dùng trong văn miêu tả và tự sự.

\_ Đoạn văn có sử dụng hai loại từ này :

Nửa đêm, bé chợt thức giấc vì tiếng động ầm ầm, mưa xối xả. Cây cối trong vườn ngả nghiêng, ngiên ngả trong ánh chớp nhoáng nhoáng, sáng lòa và tiếng sấm ì ầm lúc gần lúc xa. Mưa mỗi lúc một to hơn và nặng hạt hơn nhiều. Gió thổi tung những tấm rèm và lay giạt các cánh cửa sổ làm chúng mở ra và đóng rầm rầm.

### 3. Thế nào là trợ từ thán từ, tình thái từ? Cho VD?

\_ Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đáng giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. Ví dụ : những, có, chính, chính, đích, ngay,...

\_ Thán từ là những từ dung để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dung để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt. Ví dụ:

+ Thán từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc : a, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi,...

+ Thán từ gọi đáp : này, oi, vâng, dạ, ừ,...

\_ Tình thái từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói. Ví dụ :

+ Tình thái từ nghi vấn : à, ư, hả, hử, chứ, chẳng,...

+ Tình thái từ cầu khiến : đi, nào, với,...

+ Tình thái từ cảm thán : thay, sao,...

+ Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm ; ạ, nhé, cơ, mà,...

### 4. Thế nào là từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ? Nêu cách sử dụng của hai loại từ này ?

\_ Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

\_ Khác với từ ngữ toàn dân, biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

\_ Cách sử dụng :

+ Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phải phù hợp với tình huống giao tiếp. Trong thơ văn, tác giả có thể sử dụng một số từ ngữ thuộc hai lớp từ này để tô đậm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ, tính cách nhân vật.

+ Muốn tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.

**5. Đặt điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh ? Nêu một vài ví dụ để minh họa?**

\_ Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, sự việc, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. Ví dụ :

+ Ngáy như sấm.

+ Chạy bán sống bán chết

+ Nhìn thấy tội ác của giặc, ai ai cũng bầm gan tím ruột.

\_ Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dung cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề ; tránh thô tục, thiếu lịch sự.. Ví dụ :

+ Cha nó mất, mẹ nó đi bước nữa, nên chú nó rất thương nó.

+ Đây là lớp học dành cho trẻ em khiếm thị.

+ Khuya rồi mời bà đi nghỉ.

**6. Thế nào là câu ghép ? Có mấy cách nối các vế câu trong câu ghép ? Nêu quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ?**

\_ Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C - V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C - V này được gọi là một vế câu.

\_ Có hai cách nối các vế câu :

+ Dùng từ ngữ có tác dụng nối :

. Nối bằng một quan hệ từ ;

. Nối bằng một cặp quan hệ từ ;

. Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).

+ Không dùng từ nối : Trong trường hợp này giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

\_ Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu :

+ Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là : quan hệ nguyên nhân, quan hệ điều kiện (giả thiết), quan hệ tương phản, quan hệ tăng tiến, quan hệ lựa chọn, quan hệ bổ sung, quan hệ tiếp nối, quan hệ đồng thời, quan hệ giải thích.

+ Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp, ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

**7. Nêu công dụng của dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép ?**

\_ Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm).

\_ Dấu hai chấm dùng để :

+ Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó ;

+ Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang).

\_ Dấu ngoặc kép dùng để :

+ Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp ;

+ Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai ;

+ Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.

**8. Giải tất cả các bài tập trong SGK phần luyện tập.**

**C. TẬP LÀM VĂN**

**1. Thế nào là chủ đề của văn bản và tính thống nhất chủ đề của văn bản ?**

\_ Chủ đề là đối tượng và vấn đề chính mà văn bản biểu đạt.

\_ Văn bản có tính thống nhất về chủ đề khi chỉ biểu đạt chủ đề đã xác định, không xa rời hay lạc sang chủ đề khác.

**2. Thế nào là đoạn văn ?**

\_ Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành.

### **3. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản ?**

\_ Có thể sử dụng các phương tiện liên kết chủ yếu sau đây để thể hiện quan hệ giữa các đoạn văn :

+ Dùng từ ngữ có tác dụng liên kết : quan hệ từ, đại từ, chỉ từ, các cụm từ thể hiện ý liệt kê, so sánh, đối lập, tổng kết, khái quát,...

+ Dùng câu nối.

### **4. Thế nào là tóm tắt một văn bản tự sự ? Nêu các bước tóm tắt ?**

\_ Tóm tắt văn bản tự sự là dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính (bao gồm sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của văn bản đó.

\_ Các bước tóm tắt văn bản tự sự :

B1 : Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề của văn bản.

B2 : Xác định nội dung chính cần tóm tắt.

B3 : Sắp xếp các nội dung ấy theo một trình tự hợp lí.

B4 : Viết thành văn bản tóm tắt.

### **5. Các bước xây dựng đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm ? Tại sao người ta đan xen các yếu tố đó trong văn bản tự sự ?**

\_ Các bước xây dựng đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm :

+ Bước 1: Lựa chọn sự việc chính.

+ Bước 2: Lựa chọn ngôi kể.

+ Bước 3: Xác định thứ tự kể.

+ Bước 4: Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết.

+ Bước 5: Viết đoạn văn kể chuyện, kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm sao cho hợp lí.

\_ Người ta đan xen các yếu tố đó trong văn bản tự sự vì các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn.

### **6. Tác dụng của mỗi ngôi kể ?**

\_ Ngôi thứ nhất: người kể xưng tôi, cách kể này làm tăng tính chân thực, tính thuyết phục cho câu chuyện.

\_ Ngôi thứ ba: người kể giấu mình đi và gọi tên các nhân vật bằng tên của chúng giúp người kể, kể một cách linh hoạt và tự do.

### **7. Nêu vai trò và đặc điểm của văn bản thuyết minh ?**

\_ Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

\_ Tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi khách quan, xác thực, hữu ích cho con người.

### **8. Nêu các phương pháp thuyết minh ?**

\_ Để bài văn thuyết minh có sức thuyết phục, dễ hiểu, sáng rõ, người ta có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp thuyết minh như : nêu định nghĩa, giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân tích, phân loại,...

### **9. Nêu cách làm bài văn thuyết minh về một đồ dùng, thuyết minh về một thể loại văn học ?**

\_ Để làm bài văn thuyết minh, cần tìm hiểu kĩ đối tượng thuyết minh, xác định rõ phạm vi tri thức về đối tượng đó ; sử dụng phương pháp thuyết minh thích hợp ; ngôn từ chính xác, dễ hiểu.

### **VÍ DỤ MỘT SỐ ĐỀ TẬP LÀM VĂN**

1. Thuyết minh về một thứ đồ dùng như : chiếc xe đạp điện, chiếc mũ bảo hiểm, chiếc khăn quàng, hay chiếc áo đồng phục trường em



2. Thuyết minh về cuốn sách giáo khoa Ngữ Văn 8
3. Thuyết minh về một loài hoa, loài cây ( hoa sen , cây phượng...)

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH LỚP 8- HỌC KỲ I

### A. GRAMMAR

**1. Present Simple tense**      S+V-es/s      S+ don't /doesn't+V      Do/does+S +V ?      BE: am/is/are

EX: 1. The moon moves around the Earth  
2. Mars is near the Earth.

**2. Past Simple Tense :**      S+Ved/C2      S+didn't +V      Did+S+V ?      BE: was/were

Ex: 1. Once a farmer raised chickens to get eggs  
2. She didn't have new clothes  
3. I was at home yesterday.

**3. Near Future: Be going to**      S + is / am/ are + going to + Vinf

Ex: They are going to see "Dream City" at Sao Mai Movie Theater.

### 4. Present perfect tense

- Form: (+) I/ You/ We/ They + have + PP ( Ved/ C3)

He/ She/ It + has + PP ( Ved/ C3)

(-) I/ You/ We/ They + have not + PP ( Ved/ C3) (have not = haven't/ has not = hasn't)

He/ She/ It + has not + PP ( Ved/ C3)

(?) Have + I/ you / we/ they + PP ( Ved/ C3)

Has + he/she/it + PP ( Ved/ C3)?

Ex: 1. You have studied English **for 4 years**.

2. I haven't finished my homework **yet**

- Một số trạng từ và giới từ thường đi kèm với thì hiện tại hoàn thành : **just (vừa mới); already (rồi); recently/lately (mới đây/gần đây); yet (chưa); ever (đã từng); never (chưa bao giờ); since (từ khi); for (trong khoảng), .., before, so far, it's the first/ second time..., up to now, up to the present, till now(cho tới bao giờ),.**

#### • Note:

\*Vị trí của các trạng từ:

Just, never, ever, already đứng ngay sau have/ has.

Yet, before đứng cuối câu.

\*Notes: yet: chỉ dùng trong câu phủ định và câu hỏi.

\* For + a period of time (for + khoảng thời gian)

EX: for two hours, for three days, for a week, for six months, for a long time, for ages, ...

\*Since + a point of time (since + mốc thời gian ở quá khứ)

EX: since last year, since yesterday, since 1995, since Christmas, ...

### 5. Present progressive Tense

S+ am/is/are +Ving

\* Note Present progressive: - To talk about the future: (dự định trong tương lai)

Ex : - What are you going to do tonight? -> I'm playing table tennis.

- to show changes with "get" and "become" (sự thay đổi)

Ex: The boys are getting taller.

### 6. be + (not) adjective + enough +to infinitive

Ex: -The water is hot enough for me to drink.

-She isn't old enough to be in my class

### 7. Adverb of place

outside, inside, there, here, upstairs, downstairs, next to ,under,.....

Ex: The money was finally found under the boards.

### 8. Reflexive pronouns: myself, yourself, himself, herself, itself, ourselves, yourselves, themselves .

Ex: -Be careful. You'll cut **yourself**.

-Mary **herself** cleaned the floor./ Mary cleaned the floor **herself**.

### 9. Modal verbs

- Form: (+) S + modal verb + V + .....      Ex : I can sing very well.

(-) S + modal verb + not + V + ..... Ex : Hoa may not come to the party tomorrow.

(?) Modal verb + S + V + .....? Ex : May I come in ?

- Modal verbs: must, ought to, have to, should, can, could, may

**10. Questions with “WHY”:**

Ex: Why do you get up early? – Because I want to do exercise.

Ex: Why do you do exercise? – To keep healthy.

**11. Preposition of time :** at, in ,on, from...to, by, before, after, between,

**12. Used to + V(bare) (-)S+ din’t +use to +V (?)Did +S +use to +V**

Ex: He used to play tennis when he was young.

**13. Adverb of Manner:** adjective + ly = adverb

EX: soft + ly -> softly bad + ly -> badly careful + ly -> carefully

- *This man drives carefully.*

-She studies **well**.

**Notes** fast, hard, early (adj/adv) good(adj)-well(adv)

- đứng trước hoặc sau động từ để nói lên cách thức thực hiện hành động

- đứng đầu câu sau dấu phẩy để bổ nghĩa cho mệnh đề

- đứng ngay trước một tính từ hoặc trạng từ để nhấn mạnh cho tính từ hoặc trạng từ đó.

**14. Commands, requests and advice in reported speech**

**\*/ Commands: S + asked/ told +O + (not) to Inf**

**EX:** 1. The teacher said to Tim: “Come into my office, please”

→ The teacher told Tim to come into his/ her office

2. He asked: “Don’t go out, Nam.”

→ He asked/ told not to go out.

**\*/ Requests: S + asked + O + to Inf**

3. Mrs. Jackson said to Tim: “Could you give me a hand, please?”

→Mrs. Jackson asked Tim to give her a hand

**\*/ Advice: S1 + said (that )+S2 + should / shouldn’t +V/ S + advised + O + not + V(to inf)**

4. The doctor said: “You should take a few days off.”

→ The doctor said I should take a few days off.

**15. Gerund:** enjoy, like, don’t like, love, dislike, hate, stop, practice +Ving

Ex: I like **reading** books.

**16. COMPARATIVE WITH AS....AS, NOT SO....AS ,THE SAME AS, DIFFERENT FROM**

**1. S1+ V + AS +Adj/Adv + AS +S2**

Ex: 1. Mai is as tall as Lan .

2.Hoa studies as well as Nam

**2. S2+V(not) +AS/SO +Adj/Adv + AS +S2**

Ex: 1.Hoa is not as(so) tall as Mai

2.He doesn’t swim as(so) fast as his brother.

**3. THE SAME AS** Ex : Your shirt is the same as Ba’s.

**4. DIFFERENT FROM** Ex :He’s different from his mother.

**17- Comparative and superlative adjectives**

Short adj	Long adj	
S1 +be + adj+ER	S1 +be +MORE + adj +than+S2	Good - better - the best
+than+S2		Bad - worse - the worst
		Little - less - the least
S +be + the adj+EST	S + Be+ the MOST + Adj	Much / many - more - the most.

**B.EXERCISE**

**I.Choose the best answer to complete these sentences**

1. She asked her children.....

a. to stop playing b. stop to play c. stop playing d. stopping to play

2. People.....think that the world was flat

a. get used to b. didn’t use to c. used to d. are used to

3. His parents are always proud.....him  
a. about      b.of                      c. on                      d. with
4. I know you worked really .....this semester  
a. hardly      b. good                      c. bad                      d. hard
5. Mary was born in France. French is her.....  
a. mother tongue      b. first language      c. foreign language      d. a and b
6. John came ...an old school friend in the street this morning  
a. with                      b. along                      c. across                      d. off
7. She advised me.....late  
a. not                      b. not to be                      c. not be                      d. not being
8. He does morning exercises regularly.....improve his health  
a. in order for      b. so as to                      c. so that                      d. b and c
9. It's too cold outside.....you close the door, please?  
a. Do                      b. Are                      c. Could                      d. Why don't
10. She is studying hard.....pass the final exams.  
a. for                      b. in order to                      c. so to                      d. so that
11. Nam hates.....to the market  
a. to go      b. goes                      c. go                      d. going
12. It is really interesting,.....?  
a. does it      b. isn't it                      c. doesn't it                      d. is it
13. Can you fill....this form for me?  
a. out                      b.on                      c. in                      d. a and c
14. You should walk on the .....  
a. sidewalk      b. street                      c. avenue                      d. road
15. The doctor asked him .....a rest and .....any heavy work  
a. to take /to do      b. to take/not do      c. to take/ don't do      d. to take/not to do
16. “ may I help you ?”-“.....”  
a. What can I do for you?                      B. I'm afraid I'm busy now  
c. Yes. That's very kind of you                      d. How can I help?
17. They have studied .....six o'clock  
a. for                      b. at                      c. since                      d. to
18. My mother is.....tired .....cook tonight.  
a. enough/to      b. too/to                      c. so/that                      d. very/to
19. The new shopping mall is quite..... the present shopping area.  
a. different from      b. the same                      c. like to                      d. similar
- 20.....have you lived in this town ?- For nearly twenty years.  
a. When      b. Where                      c. How                      d. How long
21. She has.....over 30 pages since yesterday.  
a. writen      b. wrote                      c. written                      d. write
22. Airmail is .....expensive than surface mail  
a. the most      b. like                      c. as                      d. more
23. “ What.....?”- “ She's very nice.”  
a. did Sandra like      b. is Sandra like      c. does Sandra like      d. was Sandra like
24. ‘.....?’-“: It's 20,000 dong”  
a. How much is this parcel cost                      c. How much does this parcel take?  
c. How much is this parcel?                      D. How much does this parcel worth?
25. The children are old enough to look after.....  
a. themselves      b. ourselves                      c. herself                      d. for themselves
26. We ought.....the wardrobe in the corner opposite the bed  
a. put                      b. push                      c. to put                      d. to push
27. Take two.....of this medicine after each meal  
a. teaspoons      b. spoonful                      c. spoonsful                      d. teaspoon
28. You'll.....cook dinner yourself.

- a. ought to    b. must    c. should    d. have to  
 29. The calendar is .....the clock,.....the picture and the lamp  
 a. on/next to    b. under/between    c. behind/ between    d. above/on  
 30. She worked hard.....she could pass the final exams.  
 a. so that    b. in order to    c. as result    d. so as to  
 31. Did you succeed.....the problem  
 a. to solve    b. on solving    c. in solving    d. solving  
 32. What was wrong with you? Why.....go to hospital?  
 a. had you to    b. did you have to    c. must you    d. did you must

II. Use the correct tense or form of the verbs in parentheses.

1. **It (start)..... raining an hour ago.**
2. **Lan.(live) .....in American for two years.**
3. **They (not/buy)..... this house since last month.**
4. **We (visit) .....Hue this summer.**
5. **Nam (usually/get )..... up at 6 in the morning.**
6. **They (not/work) .....for that company everyday.**
7. I (stay)..... in Ha Noi tomorrow
8. My sister ( not visit )..... us since she (move)..... to the new town.
9. It ( get ).....colder and colder in December .
10. My grandmother used to ( live).....on a farm.
11. We (begin) .....learning English 5 years ago. We (learn) ..... it since we (be).... in grade 3.
12. My brother (graduate) ... from the university10 years ago.He (teach) ... Math in this school since then.
14. Long hates (wash )..... up.
15. Tim's Mom asked him (give)..... her his report card.
16. When I was young, I used to (be)..... on a farm.
17. You should (improve)..... your English grammar.
18. Which subject..... she (have)..... yesterday?
19. Once a king (have) .....a very beautiful daughter called MiNuong
20. I hope we (have)..... a wonderful vacation.
21. The Y&Y members raise funds by (collect) ..... used paper and bottles and broken glasses.

III. Match the sentences in column A with the ones in column B:

A	B
1. My sister loves cooking. 2. Nam doesn't like to go to the Water Park 3. My sister's taste is different from mine 5. Why musn't children play with matches ? 6. It's safe to keep medicine	a. because she likes sugar but I don't. b. Because they may cause a fire c. in locked cupboards d. but she doesn't like washing dishes e. because he went there yesterday.

A	B
1. Would you like to go to the cinema with me? 2. What does he look like? 3. Why does he go jogging every day? 4. Can you tell me something about the moon? 5. Do you want any help? 6. Are you going to drive your father's car? 7. Why don't you take a taxi?	a. No, thanks. I'm strong enough to lift the box. b. Because he wants to have a good health. c. Don't be silly. I'm not old enough. d. Yes, I'd love to. e. Because I don't have enough money. f. He's very handsome. g. It moves around the sun.

IV. Fill in the blanks with the appropriate form of the words in parentheses

1. In those days, jobs were.....(PLENTY).

2. Quang Ngai, my hometown, is a .....city(PEACE)
3. I'm pleased to hear you had a .....summer vacation (ENJOY)
4. Do you know the .....of that word (PRONOUNCE)
5. You should .....your English vocabulary every day( RICH) →(V): ENRICH
6. We often .....in many activities of communal center in my neighborhood (PARTICIPATION)
- 7.....,she lost all her money on the way home (FORTUNE)
8. Don't be foolish and.....(GREED)
9. I was so .....about the football match last night.( EXCITEMENT)
10. He was asked to.....how to connect with the Internet.(DEMONSTRATION)

**V. Choose the words or phrases that are not correct in Standard English.**

1. The children enjoy play soccer after school.  
A B C D
2. Yesterday was the hotter day in the year.  
A B C D
3. No one isn't more intelligent than Nam  
A B C D
4. He always eats eggs for breakfast and drink some milk.  
A B C D
5. They have knew each other for 2 years.  
A B C D
6. You won't pass the examination if you don't work hardly.  
A B C D
7. The answers weren't clear enough for me understand.  
A B C D
8. My family has lived in this city for I was in grade 6  
A B C D
9. I would like to go away on holiday but I don't have money enough.  
A B C D
10. He lives on 26 Tran Phu Street in Ha Noi with his family.  
A B C D

**VI. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others:**

1. A. pancake      B. stadium      C. tasty      D. change
2. A. grocery      B. money      C. month      D. comfort
3. A. effect      B. delicious      C. president      D. selection
4. A. just      B. summer      C. much      D. humid
5. A. started      B. helped      C. watched      D. decided
6. A. curly      B. directory      C. memory      D. recycle
7. A. parcels      B. discounts      C. selections      D. festivals
8. A. attend      B. divide      C. ending      D. recommend

**VII Find the word which has different stress from the rest:**

6. A. humid      B. airmail      C. discuss      D. pancake
7. A. notice      B. effect      C. contact      D. surface
8. A. concern      B. comfort      C. product      D. market
9. A. customer      B. grocery      C. resident      D. delicious
10. A. organize      B. community      C. restaurant      D. neighborhood

**VIII. Complete the passage about the ways to learn language , then answer the questions :**

It is necessary to learn a foreign language .Learners can learn in different ways .You should practice regularly with partners.At home ,you learn words as much as possible.

You can stick the words on the wall in your house so as to learn it at any time.You can underline or highlight the words you need to learn. You can write example sentences with new words.

You want to speak English fluently, you have to improve on your English pronunciation. You should practice speaking regularly. You should read magazines by English more .You should do exercises in the exercise books to improve the grammar.

**Questions:**

1. Is it necessary to learn a foreign language?
2. Do the learners have the same or different ways to learn a foreign language?
3. What can we do to learn new words at any time?
4. What do you do to speak English well?
5. Should you do exercises more?

**IX. Reading the passage then choose the correct answer**

Living in the country is something that people from the city often dream about.However, in reality it has both advantages and disadvantages of living in the countryside. First, you can enjoy peace and quiet. Second, there is less traffic, so it is safer for young children.

Third, everything is cheaper than in the city . However,children can't get better entertainment in the countryside. It is also difficult to have good conditions for health care and education here. Besides, people in the countryside have to work very hard to earn a living. That is the reason why more and more young people leave the country for the town to find better jobs.

1. What do the people from the city often dream about?  
A. Living in the country.      B. Living in the islands.      C. Living in the mountains      D. living in the sea.
2. Is there less traffic in the country, so it is safer for young children?  
A. Yes, it is.      B. Yes, there is.      C. No, it isn't.      D. No, there isn't.
3. How do people in the countryside have to work to earn a living?  
A. easy      B. fun      C. hard      D. dangerous

**X. Rewrite these sentences.**

1. He said " Get out of my way "  
.....
2. The man said to me " please open your bag "  
.....
3. She told me " Don't close the door "  
.....
4. The teacher told Tom " You should improve your pronunciation "  
.....
5. She said " Don't go near the cooker , children "  
.....

.....  
6. My mother told me “ You should do your homework before going to school “  
.....

7. He said “ Can your help your mom with cooking , Mai ? “  
.....

8. Lan said to me “ Can you help me fix my bike ? “  
.....

9. The police asked the man “ Stop your motorbike , please ? “  
.....

10. Nam ‘s mother told him “ You should keep your room tidy , Nam “  
.....

11. I have never seen him before.

This .....

12. Nam is young. He can’t learn to drive a car.

(enough).....

13. Hoa never stay at home alone when she was small.

Hoa did.....

14. My room is not different from yours.

Your .....

15. Nam is much taller than Ba.

Ba is not .....

**XI. Write the full sentence using the words given.**

1. Minh / use / live / farm / when / he / small boy . →

2. You / ought / study hard→

3. He/ have not / finish / his homework / yet . →

4. Mr John /work / Vietnam/ 2005 . →

5.They/ live / Nha Trang / 5 years . →

6. Tom / like / read / books / free time. →